CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG MÔN TOÁN LỚP 2 (Tuần 1 – 35)

TUẦN:	1	*Từ 24/8 đến 28/8*		
LỚP	Tiết	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú, bài tập cần làm
HAI	1	Ôn tập các số đến 100 (tr3)	- Biết đếm, đọc, viết các số đến 100. - Nhận biết được các số có một chữ số, các số có hai chữ số; số lớn nhất, số bé nhất có một chữ số; số lớn nhất, số bé nhất có hai chữ số; số liền trước, số liền sau.	Bài 1, bài 2, bài 3
	2	Ôn tập các số đến 100 (tr4)	- Biết viết số có hai chữ số thành tổng của số chục và số đơn vị, thứ tự của các số. - Biết so sánh các số trong phạm vi 100.	Bài 1, bài 3, bài 4, bài 5
	3	Số hạng - Tổng (tr5)	- Biết số hạng; tổng. - Biết thực hiện phép cộng các số có hai chữ số không nhớ trong phạm vi 100. - Biết giải bài toán có lời văn bằng một phép cộng.	Bài 1, bài 2, bài 3
	4	Luyện tập (tr6)	- Biết cộng nhẩm số tròn chục có hai chữ số. - Biết tên gọi thành phần và kết quả của phép cộng. - Biết thực hiện phép cộng các số có hai chữ số không nhớ trong phạm vi 100. - Biết giải bài toán bằng một phép cộng.	Bài 1, bài 2 (cột 2), bài 3 (a,c), bài 4
	5	Đề-xi-mét (tr7)	- Biết đề-xi-mét là một đơn vị đo độ dài; tên gọi, kí hiệu của nó; biết quan hệ giữa dm và cm, ghi nhớ 1dm = 10cm. - Nhận biết được độ lớn của đơn vị đo dm; so sánh độ dài đoạn thẳng trong trường hợp đơn giản; thực hiện phép cộng, trừ các số đo độ dài có đơn vị đo là đề-xi-mét.	Bài 1, bài 2
TUẦN:	2	*Từ 31/8 đến 08/9 (nghỉ lễ 2/9 và nghỉ bù ngày khai giảng 05/9)*		
LỚP	Tiết	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú, bài tập cần làm
HAI	6	Luyện tập (tr8)	- Biết quan hệ giữa dm và cm để viết số đo có đơn vị là cm thành dm và ngược lại trong trường hợp đơn giản. - Nhận biết được độ dài đề-xi-mét trên thước thẳng. - Biết ước lượng độ dài trong trường hợp đơn giản. - Vẽ được đoạn thẳng có độ dài 1dm.	Bài 1, bài 2, bài 3 (cột 1, 2), bài 4

	7	Số bị trừ - Số trừ - Hiệu (tr9)	- Biết số bị trừ, số trừ, hiệu. - Biết thực hiện phép trừ các số có hai chữ số không nhớ trong phạm vi 100. - Biết giải bài toán bằng một phép trừ.	Bài 1, bài 2 (a, b, c), bài 3
	8	Luyện tập (tr10)	- Biết trừ nhẩm số tròn chục có hai chữ số. - Biết thực hiện phép trừ các số có hai chữ số không nhớ trong phạm vi 100. - Biết giải bài toán bằng một phép trừ.	Bài 1, bài 2 (cột 1, 2), bài 3, bài 4
	9	Luyện tập chung (tr10)	- Biết đếm, đọc, viết các số trong phạm vi 100. - Nhận viết số liền trước, số liền sau của một số cho trước. - Biết làm tính cộng, trừ các số có hai chữ số không nhớ trong phạm vi 100. - Biết giải bài toán bằng một phép cộng.	Bài 1, bài 2 (a, b, c, d), bài 3 (cột 1, 2), bài 4
	10	Luyện tập chung (tr11)	- Biết viết số có hai chữ số thành tổng của số chục và số đơn vị. - Biết số hạng, tổng. - Biết số bị trừ, số trừ, hiệu. - Biết làm tính cộng, trừ các số có hai chữ số không nhớ trong phạm vi 100. - Biết giải bài toán bằng một phép trừ.	Bài 1 (viết 3 số đầu), bài 2, bài 3 (làm 3 phép tính đầu), bài 4
TUẦN:	**3**	***Từ 09/9 đến 15/9***		
LỚP	**Tiết**	**Tên bài dạy**	**Yêu cầu cần đạt**	**Ghi chú, bài tập cần làm**
HAI	11	Kiểm tra	Kiểm tra tập trung vào các nội dung sau: - Đọc, viết số có hai chữ số; viết số liền trước, số liền sau. - Kĩ năng thực hiện cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 100. - Giải bài toán bằng một phép tính đã học. - Đo, viết số đo độ dài đoạn thẳng.	Không
	12	Phép cộng có tổng bằng 10 (tr12)	- Biết cộng hai số có tổng bằng 10. - Biết dựa vào bảng cộng để tìm một số chưa biết trong phép cộng có tổng bằng 10. - Biết viết 10 thành tổng của hai số trong đó có một số cho trước. - Biết cộng nhẩm: 10 cộng với số có một chữ số. - Biết xem đồng hồ khi kim phút chỉ vào 12.	Bài 1 (cột 1, 2, 3), bài 2, bài 3 (dòng 1), bài 4

	13	26 + 4; 36 + 24 (tr13)	- Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng 26 + 4; 36 + 24. - Biết giải bài toán bằng một phép cộng.	Bài 1, bài 2
	14	Luyện tập (tr14)	- Biết cộng nhẩm dạng 9 + 1 + 5. - Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng 26 + 4; 36 + 24. - Biết giải bài toán bằng một phép cộng.	Bài 1 (dòng 1), bài 2, bài 3, bài 4
	15	9 cộng với một số: 9 + 5 (tr15)	- Biết cách thực hiện phép cộng dạng 9 + 5, lập được bảng 9 cộng với một số. - Nhận biết trực giác về tính giao hoán của phép cộng. - Biết giải bài toán bằng một phép tính cộng.	Bài 1, bài 2, bài 4
TUẦN:	**4**	***Từ 16/9 đến 22/9***		
LỚP	**Tiết**	**Tên bài dạy**	**Yêu cầu cần đạt**	**Ghi chú, bài tập cần làm**
HAI	16	29 + 5 (tr16)	- Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng 29 + 5. - Biết số hạng, tổng. - Biết nối các điểm cho sẵn để có hình vuông. - Biết giải bài toán bằng một phép cộng.	Bài 1 (cột 1, 2, 3), bài 2 (a, b), bài 3
	17	49 + 25 (tr17)	- Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng 49 + 25. - Biết giải bài toán bằng một phép cộng.	Bài 1 (cột 1, 2, 3), bài 3
	18	Luyện tập (tr18)	- Biết thực hiện phép cộng dạng 9 + 5, thuộc bảng 9 cộng với một số. - Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng 29 + 5; 49 + 25. - Biết thực hiện phép tính 9 cộng với một số để so sánh hai số trong phạm vi 20. - Biết giải bài toán bằng một phép cộng.	Bài 1 (cột 1, 2, 3), bài 2, bài 3 (cột 1), bài 4

	19	**8 cộng với một số: 8 + 5 (tr19)**	**- Biết cách thực hiện phép cộng dạng 8 + 5, lập được bảng 8 cộng với một số. - Nhận biết trực giác về tính chất giao hoán của phép cộng. - Biết giải bài toán bằng một phép cộng.**	**Bài 1, bài 2, bài 4**
	20	**28 + 5 (tr20)**	**- Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng 28 + 5. - Biết vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước. - Biết giải bài toán bằng một phép cộng.**	**Bài 1 (cột 1, 2, 3), bài 3, bài 4**
TUẦN:	**5**	***Từ 23/9 đến 29/9***		
LỚP	**Tiết**	**Tên bài dạy**	**Yêu cầu cần đạt**	**Ghi chú, bài tập cần làm**
HAI	21	**38 + 25 (tr21)**	**- Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng 38 + 5. - Biết giải bài giải bài toán bằng một phép cộng các số với số đo có đơn vị dm. - Biết thực hiện phép tính 9 hoặc 8 cộng với một số để so sánh hai số.**	**Bài 1 (cột 1, 2, 3), bài 3, bài 4**
	22	**Luyện tập (tr22)**	**- Thuộc bảng 8 cộng với một số. - Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng 28 + 5; 38 + 25. - Biết giải bài toán theo tóm tắt với một phép cộng.**	**Bài 1, bài 2, bài 3**
	23	**Hình chữ nhật - Hình tứ giác (tr23)**	**- Nhận dạng được và gọi đúng tên hình chữ nhật, hình tứ giác. - Biết nối các điểm để có hình chữ nhật, hình tứ giác.**	**Bài 1, bài 2 (a, b)**
	24	**Bài toán về nhiều hơn (tr24)**	**Biết giải và trình bày bài giải bài toán về nhiều hơn.**	**Bài 1 (không yêu cầu học sinh tóm tắt), bài 3**

	25	Luyện tập (tr25)	Biết giải và trình bày bài giải bài toán về nhiều hơn trong các tình huống khác nhau.	Bài 1, bài 2, bài 4
TUẦN:	6	*Từ 30/9 đến 06/10*		
LỚP	Tiết	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú, bài tập cần làm
HAI	26	7 cộng với một số: 7 + 5 (tr26)	- Biết cách thực hiện phép cộng dạng 7 + 5, lập được bảng 7 cộng với một số. - Nhận biết trực giác về tính chất giao hoán của phép cộng. - Biết giải và trình bày bài giải bài toán về nhiều hơn.	Bài 1, bài 2, bài 4
	27	47 + 5 (tr27)	- Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng 47 + 5. - Biết giải bài toán về nhiều hơn theo tóm tắt bằng sơ đồ đoạn thẳng.	Bài 1 (cột 1, 2, 3), bài 3
	28	47 + 25 (tr28)	- Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng 47 + 25. - Biết giải và trình bày bài giải bài toán bằng một phép cộng.	Bài 1 (cột 1, 2, 3), bài 2 (a, b, d, e), bài 3
	29	Luyện tập (tr29)	- Thuộc bảng 7 cộng với một số. - Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng 47 + 5; 47 + 25. - Biết giải bài toán theo tóm tắt với một phép cộng.	Bài 1, bài 2 (cột 1, 3, 4), bài 3, bài 4 (dòng 2)
	30	Bài toán về ít hơn (tr30)	Biết giải và trình bày bài giải bài toán về ít hơn.	Bài 1, bài 2
TUẦN:	7	*Từ 07/10 đến 13/10*		

LỚP	Tiết	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú, bài tập cần làm
HAI	31	Luyện tập (tr31)	Biết giải bài toán về nhiều hơn, ít hơn.	Bài 2, bài 3, bài 4
	32	Ki-lô-gam (tr32)	- Biết nặng hơn, nhẹ hơn giữa hai vật thông thường. - Biết ki-lô-gam là đơn vị đo khối lượng; đọc, viết tên và kí hiệu của nó. - Biết dụng cụ cân đĩa, thực hành cân một số đồ vật quen thuộc. - Biết thực hiện phép cộng, phép trừ các số kèm đơn vị đo kg.	Bài 1, bài 2
	33	Luyện tập (tr33)	- Biết dụng cụ đo khối lượng: cân đĩa, cân đồng hồ (cân bàn). - Biết làm tính cộng, trừ và giải toán với các số kèm đơn vị kg.	Bài 1, bài 3 (cột 1), bài 4
	34	6 cộng với một số: 6 + 5 (tr34)	- Biết cách thực hiện phép cộng dạng 6 + 5, lập được bảng 6 cộng với một số. - Nhận biết trực giác về tính chất giao hoán của phép cộng. - Dựa vào bảng 6 cộng với một số để tìm được số thích hợp điền vào ô trống.	Bài 1, bài 2, bài 3
	35	26 + 5 (tr35)	- Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng 26 + 5. - Biết giải bài toán về nhiều hơn. - Biết thực hành đo độ dài đoạn thẳng.	Bài 1 (dòng 1), bài 3, bài 4
TUẦN:	8	*Từ 14/10 đến 20/10*		
LỚP	Tiết	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú, bài tập cần làm
HAI	36	36 + 15 (tr36)	- Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng 36 + 15. - Biết giải bài toán theo hình vẽ bằng một phép tính cộng có nhớ trong phạm vi 100.	Bài 1 (dòng 1), bài 2 (a, b), bài 3
	37	Luyện tập (tr37)	- Thuộc bảng 6, 7, 8, 9 cộng với một số. - Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100. - Biết giải bài toán về nhiều hơn cho dưới dạng sơ đồ. - Biết nhận dạng hình tam giác.	Bài 1, bài 2, bài 4, bài 5 (a)

	38	Bảng cộng (tr38)	- Thuộc bảng cộng đã học. - Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100. - Biết giải bài toán về nhiều hơn.	Bài 1, bài 2 (3 phép tính đầu), bài 3
	39	Luyện tập (tr39)	- Ghi nhớ và tái hiện nhanh bảng cộng trong phạm vi 20 để tính nhẩm; cộng có nhớ trong phạm vi 100. - Biết giải bài toán có một phép cộng.	Bài 1, bài 3, bài 4
	40	Phép cộng có tổng bằng 100 (tr40)	- Biết thực hiện phép cộng có tổng bằng 100. - Biết cộng nhẩm các số tròn chục. - Biết giải bài toán với một phép cộng có tổng bằng 100.	Bài 1, bài 2, bài 4
TUẦN:	**9**	***Từ 21/10 đến 27/10***		
LỚP	**Tiết**	**Tên bài dạy**	**Yêu cầu cần đạt**	**Ghi chú, bài tập cần làm**
HAI	41	Lít (tr41, 42)	- Biết sử dụng chai 1 lít hoặc ca 1 lít để đong, đo nước, dầu,… - Biết ca 1 lít, chai 1 lít. Biết lít là đơn vị đo dung tích. Biết đọc, viết tên gọi và kí hiệu của lít. - Biết thực hiện phép cộng, trừ các số đo theo đơn vị lít, giải toán có liên quan đến lít.	Bài 1, bài 2 (cột 1, 2), bài 4
	42	Luyện tập (tr43)	- Biết thực hiện phép tính và giải toán với các số đo theo đơn vị lít. - Biết sử dụng chai 1 lít hoặc ca 1 lít để đong, đo nước, dầu,… - Biết giải toán có liên quan đến đơn vị lít.	Bài 1, bài 2, bài 3
	43	Luyện tập chung (tr44)	- Biết thực hiện phép cộng với các dạng đã học, phép cộng các số kèm theo đơn vị: kg, l. - Biết số hạng, tổng. - Biết giải bài toán với một phép cộng.	Bài 1 (dòng 1, 2), bài 2, bài 3 (cột 1, 2, 3), bài 4
	44	Kiểm tra định kì (giữa học kì I)	Kiểm tra tập trung vào các nội dung sau: - Kĩ năng thực hiện phép cộng qua 10, cộng có nhớ trong phạm vi 100. - Nhận dạng hình chữ nhật, nối các điểm cho trước để có hình chữ nhật. - Giải toán có lời văn dạng nhiều hơn, ít hơn, liên quan tới đơn vị: kg, l.	Không
	45	Tìm một số hạng trong một tổng (tr45)	- Biết tìm x trong các bài tập dạng: x + a = b; a + x = b (với a, b là các số có không quá hai chữ số) bằng sử dụng mối quan hệ giữa thành phần và kết quả của phép tính. - Biết cách tìm một số hạng khi biết tổng và số hạng kia. - Biết giải bài toán có một phép trừ.	Bài 1 (a, b, c, d, e), bài 2 (cột 1, 2, 3)

TUẦN:	10	*Từ 28/10 đến 03/11*		
LỚP	Tiết	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú, bài tập cần làm
HAI	46	Luyện tập (tr46)	- Biết tìm x trong các bài tập dạng: x + a = b; a + x = b (với a, b là các số có không quá hai chữ số). - Biết giải bài toán có một phép trừ.	Bài 1, bài 2 (cột 1, 2), bài 4, bài 5
	47	Số tròn chục trừ đi một số (tr47)	- Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100 - trường hợp số bị trừ là số tròn chục, số trừ là số có một hoặc hai chữ số. - Biết giải bài toán có một phép trừ (số tròn chục trừ đi một số).	Bài 1, bài 3
	48	11 trừ đi một số: 11 - 5 (tr48)	- Biết cách thực hiện phép trừ dạng 11 - 5, lập được bảng 11 trừ đi một số. - Biết giải bài toán có một phép trừ dạng 11 - 5.	Bài 1 (a), bài 2, bài 4
	49	31 - 5 (tr49)	- Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng 31 - 5. - Biết giải bài toán có một phép trừ dạng 31 - 5. - Nhận biết giao điểm của hai đoạn thẳng.	Bài 1 (dòng 1), bài 2 (a, b), bài 3, bài 4
	50	51 - 15 (tr50)	- Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng 51 - 15. - Vẽ được hình tam giác theo mẫu (vẽ trên giấy kẻ ô li).	Bài 1 (cột 1, 2, 3), bài 2 (a, b), bài 4
TUẦN:	11	*Từ 04/11 đến 10/11*		
LỚP	Tiết	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú, bài tập cần làm
HAI	51	Luyện tập (tr51)	- Thuộc bảng 11 trừ đi một số. - Thực hiện được phép trừ dạng 51 - 15. - Biết tìm số hạng của một tổng. - Biết giải bài toán có một phép trừ dạng 31 - 5.	Bài 1, bài 2 (cột 1, 2), bài 3 (a, b), bài 4

	52	12 trừ đi một số: 12 - 8 (tr52)	- Biết cách thực hiện phép trừ dạng 12 - 8, lập được bảng 12 trừ đi một số. - Biết giải bài toán có một phép trừ dạng 12 - 8.	Bài 1 (a), bài 2, bài 4
	53	32 - 8 (tr53)	- Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng 32 - 8. - Biết giải bài toán có một phép trừ dạng 32 - 8. - Biết tìm số hạng của một tổng.	Bài 1 (dòng 1), bài 2 (a, b), bài 3, bài 4
	54	52 - 28 (tr54)	- Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng 52 - 28. - Biết giải bài toán có một phép trừ dạng 52 - 28.	Bài 1 (dòng 1), bài 2 (a, b), bài 3
	55	Luyện tập (tr55)	- Thuộc bảng 12 trừ đi một số. - Thực hiện được phép trừ dạng 52 - 28. - Biết tìm số hạng của một tổng. - Biết giải bài toán có một phép trừ dạng 52 - 28.	Bài 1, bài 2 (cột 1, 2), bài 3 (a, b), bài 4
TUẦN:	**12**	***Từ 11/11 đến 17/11***		
LỚP	**Tiết**	**Tên bài dạy**	**Yêu cầu cần đạt**	**Ghi chú, bài tập cần làm**
HAI	56	Tìm số bị trừ (tr56)	- Biết tìm x trong các bài tập dạng: x - a = b (với a, b là các số có không quá hai chữ số) bằng sử dụng mối quan hệ giữa thành phần và kết quả của phép tính (Biết cách tìm số bị trừ khi biết hiệu và số trừ). - Vẽ được đoạn thẳng, xác định điểm là giao của hai đoạn thẳng cắt nhau và đặt tên điểm đó.	Bài 1 (a, b, c, d), bài 2 (cột 1, 2, 3), bài 4
	57	13 trừ đi một số: 13 - 5 (tr57)	- Biết cách thực hiện phép trừ dạng 13 - 5, lập được bảng 13 trừ đi một số. - Biết giải bài toán có một phép trừ dạng 13 - 5.	Bài 1 (a), bài 2, bài 4
	58	33 - 5 (tr58)	- Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng 33 - 5. - Biết tìm số hạng chưa biết của một tổng (đưa về phép trừ dạng 33 - 5).	Bài 1, bài 2 (a), bài 3 (a, b)

	59	53 - 15 (tr59)	- Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng 53 - 15. - Biết tìm số bị trừ, dạng x - 18 = 9. - Biết vẽ hình vuông theo mẫu (vẽ trên giấy ô li).	Bài 1 (dòng 1), bài 2, bài 3 (a), bài 4
	60	Luyện tập (tr60)	- Thuộc bảng 13 trừ đi một số. - Thực hiện được phép trừ dạng 33 - 5; 53 - 15. - Biết giải bài toán có một phép trừ dạng 53 - 15.	Bài 1, bài 2, bài 4
TUẦN:	**13**	***Từ 18/11 đến 24/11***		
LỚP	**Tiết**	**Tên bài dạy**	**Yêu cầu cần đạt**	**Ghi chú, bài tập cần làm**
HAI	61	14 trừ đi một số: 14 - 8 (tr61)	- Biết cách thực hiện phép trừ dạng 14 - 8, lập được bảng 14 trừ đi một số. - Biết giải bài toán có một phép trừ dạng 14 - 8.	Bài 1 (cột 1, 2), bài 2 (3 phép tính đầu), bài 3 (a, b), bài 4
	62	34 - 8 (tr62)	- Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng 34 - 8. - Biết tìm số hạng chưa biết của một tổng, tìm số bị trừ. - Biết giải bài toán về ít hơn.	Bài 1 (cột 1, 2, 3), bài 3, bài 4
	63	54 - 18 (tr63)	- Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng 54 - 18. - Biết giải bài toán về ít hơn với các số có kèm đơn vị đo dm. - Biết vẽ hình tam giác cho sẵn 3 đỉnh.	Bài 1 (a), bài 2 (a, b), bài 3, bài 4
	64	Luyện tập (tr64)	- Thuộc bảng 14 trừ đi một số. - Thực hiện được phép trừ dạng 54 - 18. - Tìm số bị trừ hoặc tìm số hạng chưa biết. - Biết giải bài toán có một phép trừ dạng 54 - 18.	Bài 1, bài 2 (cột 1, 3), bài 3 (a), bài 4
	65	15, 16, 17, 18 trừ đi một số (tr65)	Biết cách thực hiện các phép trừ để lập các bảng trừ: 15, 16, 17, 18 trừ đi một số.	Bài 1

TUẦN:	14	*Từ 25/11 đến 01/12*		
LỚP	Tiết	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú, bài tập cần làm
HAI	66	55 - 8; 56 - 7; 37 - 8; 68 - 9 (tr66)	- Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng 55 - 8; 56 - 7; 37 - 8; 68 - 9. - Biết tìm số hạng chưa biết của một tổng.	Bài 1 (cột 1, 2, 3), bài 2 (a, b)
	67	65 - 38; 46 - 17; 57 - 28; 78 - 29 (tr67)	- Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng 65 - 38; 46 - 17; 57 - 28; 78 - 29. - Biết giải bài toán có một phép trừ dạng trên.	Bài 1 (cột 1, 2, 3), bài 2 (cột 1), bài 3
	68	Luyện tập (tr68)	- Thuộc bảng 15, 16, 17, 18 trừ đi một số. - Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng đã học. - Biết giải bài toán về ít hơn.	Bài 1, bài 2 (cột 1, 2), bài 3, bài 4
	69	Bảng trừ (tr69)	- Thuộc các bảng trừ trong phạm vi 20. - Biết vận dụng bảng cộng, trừ trong phạm vi 20 để làm tính cộng rồi trừ liên tiếp.	Bài 1, bài 2 (cột 1)
	70	Luyện tập (tr70)	- Biết vận dụng bảng trừ trong phạm vi 20 để tính nhẩm, trừ có nhớ trong phạm vi 100, giải toán về ít hơn. - Biết tìm số bị trừ, số hạng chưa biết.	Bài 1, bài 2 (cột 1, 3), bài 3 (b), bài 4
TUẦN:	15	*Từ 02/12 đến 08/12*		
LỚP	Tiết	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú, bài tập cần làm
HAI	71	100 trừ đi một số (tr71)	- Biết cách thực hiện phép trừ có nhớ dạng: 100 trừ đi một số có một hoặc hai chữ số. - Biết tính nhẩm 100 trừ đi số tròn chục.T84	Bài 1, bài 2

	72	Tìm số trừ (tr72)	- Biết tìm x trong các bài tập dạng: a - x = b (với a, b là các số có không quá hai chữ số) bằng sử dụng mối quan hệ giữa thành phần và kết quả của phép tính (Biết cách tìm số trừ khi biết số bị trừ và hiệu). - Nhận biết số trừ, số bị trừ, hiệu. - Biết giải toán dạng tìm số trừ chưa biết.	Bài 1 (cột 1, 3), bài 2 (cột 1, 2, 3), bài 3
	73	Đường thẳng (tr73)	- Nhận dạng được và gọi đúng tên đoạn thẳng, đường thẳng. - Biết vẽ đoạn thẳng, đường thẳng qua hai điểm bằng thước và bút. - Biết ghi tên đường thẳng.	Bài 1
	74	Luyện tập (tr74)	- Thuộc bảng trừ đã học để tính nhẩm. - Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100. - Biết tìm số bị trừ, số trừ.	Bài 1, bài 2 (cột 1, 2, 5), bài 3
	75	Luyện tập chung (tr75)	- Thuộc bảng trừ đã học để tính nhẩm. - Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100. - Biết tính giá trị của biểu thức số có đến hai dấu phép tính. - Biết giải toán với các số có kèm đơn vị cm.	Bài 1, bài 2 (cột 1, 3), bài 3, bài 5
TUẦN:	**16**	***Từ 09/12 đến 15/12***		
LỚP	**Tiết**	**Tên bài dạy**	**Yêu cầu cần đạt**	**Ghi chú, bài tập cần làm**
HAI	76	Ngày, giờ (tr76)	- Nhận biết 1 ngày có 24 giờ, 24 giờ trong một ngày được tính từ 12 giờ đêm hôm trước đến 12 giờ đêm hôm sau. - Biết các buổi và tên gọi các giờ tương ứng trong một ngày. - Nhận biết đơn vị đo thời gian: ngày, giờ. - Biết xem giờ đúng trên đồng hồ. - Nhận biết thời điểm, khoảng thời gian, các buổi sáng, trưa, chiều, tối, đêm.	Bài 1, bài 3
	77	Thực hành xem đồng hồ (tr78)	- Biết xem đồng hồ ở thời điểm sáng, chiều, tối. - Nhận biết số chỉ giờ lớn hơn 12 giờ: 17 giờ, 23 giờ,... - Nhận biết các hoạt động sinh hoạt, học tập thường ngày liên quan đến thời gian.	Bài 1, bài 2

	78	Ngày, tháng (tr79)	- Biết đọc tên các ngày trong tháng. - Biết xem lịch để xác định số ngày trong tháng nào đó và xác định một ngày nào đó là thứ mấy trong tuần lễ. - Nhận biết đơn vị đo thời gian: ngày, tháng (biết tháng 11 có 30 ngày, tháng 12 có 31 ngày); ngày, tuần lễ.	Bài 1, bài 2
	79	Thực hành xem lịch (tr80)	Biết xem lịch để xác định số ngày trong tháng nào đó và xác định một ngày nào đó là thứ mấy trong tuần lễ.	Bài 1, bài 2
	80	Luyện tập chung (tr81)	- Biết các đơn vị đo thời gian: ngày, giờ; ngày, tháng. - Biết xem lịch.	Bài 1, bài 2

CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG MÔN TOÁN LỚP 2 (Học kỳ 2: Tuần 17 – 35)

TUẦN:	17	*Từ 16/12 đến 22/12*		
LỚP	Tiết	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú, bài tập cần làm
HAI	81	Ôn tập về phép cộng và phép trừ (tr82)	- Thuộc bảng cộng, trừ trong phạm vi 20 để tính nhẩm. - Thực hiện được phép cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100. - Biết giải bài toán về nhiều hơn.	Bài 1, bài 2, bài 3 (a, c), bài 4
	82	Ôn tập về phép cộng và phép trừ (tr83)	- Thuộc bảng cộng, trừ trong phạm vi 20 để tính nhẩm. - Thực hiện được phép cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100. - Biết giải bài toán về ít hơn.	Bài 1, bài 2, bài 3 (a, c), bài 4

	83	Ôn tập về phép cộng và phép trừ (tr84)	- Thuộc bảng cộng, trừ trong phạm vi 20 để tính nhẩm. - Thực hiện được phép cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100. - Biết giải bài toán về ít hơn, tìm số bị trừ, số trừ, số hạng của một tổng.	Bài 1 (cột 1, 2, 3), bài 2 (cột 1, 2), bài 3, bài 4
	84	Ôn tập về hình học (tr85)	- Nhận dạng được và gọi đúng tên hình tứ giác, hình chữ nhật. - Biết vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước. - Biết vẽ hình theo mẫu.	Bài 1, bài 2, bài 4
	85	Ôn tập về đo lường (tr86)	- Biết xác định khối lượng qua sử dụng cân. - Biết xem lịch để xác định số ngày trong tháng nào đó và xác định một ngày nào đó là ngày thứ mấy trong tuần. - Biết xem đồng hồ khi kim phút chỉ 12.	Bài 1, bài 2 (a, b), bài 3 (a), bài 4
TUẦN:	**18**	***Từ 23/12 đến 29/12***		
LỚP	**Tiết**	**Tên bài dạy**	**Yêu cầu cần đạt**	**Ghi chú, bài tập cần làm**
HAI	86	Ôn tập về giải toán (tr88)	Biết tự giải được các bài toán bằng một phép tính cộng hoặc trừ, trong đó có các bài toán về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị.	Bài 1, bài 2, bài 3
	87	Luyện tập chung (tr89)	- Biết cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 20. - Biết làm tính cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100. - Biết tìm số hạng, số bị trừ. - Biết giải bài toán về ít hơn một số đơn vị.	Bài 1 (cột 1, 2, 3), bài 2 (cột 1, 2), bài 3 (a, b), bài 4
	88	Luyện tập chung (tr89)	- Biết làm tính cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100. - Biết tính giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính cộng, trừ trong trường hợp đơn giản. - Biết tìm một thành phần chưa biết của phép cộng hoặc phép trừ. - Biết giải bài toán về nhiều hơn một số đơn vị.	Bài 1 (cột 1, 3, 4), bài 2 (cột 1, 2), bài 3 (b), bài 4

	89	Luyện tập chung (tr89)	- Biết làm tính cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100. - Biết tính giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính cộng, trừ trong trường hợp đơn giản. - Biết giải bài toán về ít hơn một số đơn vị.	Bài 1, bài 2, bài 3
	90	Kiểm tra định kì (cuối học kì I)	Kiểm tra tập trung vào các nội dung sau: - Cộng, trừ trong phạm vi 20. - Phép cộng, phép trừ có nhớ trong phạm vi 100. - Giải toán có lời văn bằng một phép cộng hoặc phép trừ có liên quan đến các đơn vị đo đã học. - Nhận dạng hình đã học.	Không.
TUẦN:	**19**	***Từ 11/01 đến 15/01***		
LỚP	**Tiết**	**Tên bài dạy**	**Yêu cầu cần đạt**	**Ghi chú, bài tập cần làm**
HAI	91	Tổng của nhiều số (tr91)	- Nhận biết tổng của nhiều số. - Biết cách tính tổng của nhiều số.	Bài 1 (cột 2), bài 2 (cột 1, 2, 3), bài 3 (a)
	92	Phép nhân (tr92)	- Nhận biết tổng của nhiều số hạng bằng nhau. - Biết chuyển tổng của nhiều số hạng bằng nhau thành phép nhân. - Biết đọc, viết kí hiệu của phép nhân. - Biết cách tính kết quả của phép nhân dựa vào phép cộng.	Bài 1, bài 2
	93	Thừa số - Tích (tr94)	- Biết thừa số, tích. - Biết viết tổng các số hạng bằng nhau dưới dạng tích và ngược lại. - Biết cách tính kết quả của phép nhân dựa vào phép cộng.	Bài 1 (b, c), bài 2 (b), bài 3
	94	Bảng nhân 2 (tr95)	- Lập được bảng nhân 2. - Nhớ được bảng nhân 2. - Biết giải bài toán có một phép nhân (trong bảng nhân 2). - Biết đếm thêm 2.	Bài 1, bài 2, bài 3

	95	Luyện tập (tr96)	- Thuộc bảng nhân 2. - Biết vận dụng bảng nhân 2 để thực hiện phép tính nhân số có kèm đơn vị đo với một số. - Biết giải bài toán có một phép nhân (trong bảng nhân 2). - Biết thừa số, tích.	Bài 1, bài 2, bài 3, bài 5 (cột 2, 3, 4)
TUẦN:	**20**	***Từ 18/01 đến 22/01***		
LỚP	**Tiết**	**Tên bài dạy**	**Yêu cầu cần đạt**	**Ghi chú, bài tập cần làm**
HAI	96	Bảng nhân 3 (tr97)	- Lập được bảng nhân 3. - Nhớ được bảng nhân 3. - Biết giải bài toán có một phép nhân (trong bảng nhân 3). - Biết đếm thêm 3.	Bài 1, bài 2, bài 3
	97	Luyện tập (tr98)	- Thuộc bảng nhân 3. - Biết giải bài toán có một phép nhân (trong bảng nhân 3).	Bài 1, bài 3, bài 4
	98	Bảng nhân 4 (tr99)	- Lập được bảng nhân 4. - Nhớ được bảng nhân 4. - Biết giải bài toán có một phép nhân (trong bảng nhân 4). - Biết đếm thêm 4.	Bài 1, bài 2, bài 3
	99	Luyện tập (tr100)	- Thuộc bảng nhân 4. - Biết tính giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính nhân và cộng trong trường hợp đơn giản. - Biết giải bài toán có một phép nhân (trong bảng nhân 4).	Bài 1 (a), bài 2, bài 3

	100	Bảng nhân 5 (tr101)	- Lập được bảng nhân 5. - Nhớ được bảng nhân 5. - Biết giải bài toán có một phép nhân (trong bảng nhân 5). - Biết đếm thêm 5.	Bài 1, bài 2, bài 3
TUẦN:	**21**	***Từ 25/01 đến 29/01***		
LỚP	**Tiết**	**Tên bài dạy**	**Yêu cầu cần đạt**	**Ghi chú, bài tập cần làm**
HAI	101	Luyện tập (tr102)	- Thuộc bảng nhân 5. - Biết tính giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính nhân và trừ trong trường hợp đơn giản. - Biết giải bài toán có một phép nhân (trong bảng nhân 5). - Nhận biết đặc điểm của dãy số để viết số còn thiếu của dãy số đó.	Bài 1 (a), bài 2, bài 3
	102	Đường gấp khúc - Độ dài đường gấp khúc (tr103)	- Nhận dạng được và gọi đúng tên đường gấp khúc. - Nhận biết độ dài đường gấp khúc. - Biết tính độ dài đường gấp khúc khi biết độ dài mỗi đoạn thẳng của nó.	Bài 1 (a), bài 2, bài 3
	103	Luyện tập (tr104)	Biết tính độ dài đường gấp khúc.	Bài 1 (b), bài 2
	104	Luyện tập chung (tr105)	- Thuộc bảng nhân 2, 3, 4, 5 để tính nhẩm. - Biết tính giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính nhân và cộng hoặc trừ trong trường hợp đơn giản. - Biết giải bài toán có một phép nhân. - Biết tính độ dài đường gấp khúc.	Bài 1, bài 3, bài 4, bài 5 (a)

	105	Luyện tập chung (tr105)	- Thuộc bảng nhân 2, 3, 4, 5 để tính nhẩm. - Biết thừa số, tích. - Biết giải bài toán có một phép nhân.	Bài 1, bài 2, bài 3 (cột 1), bài 4
TUẦN:	22	*Từ 01/02 đến 05/02*		
LỚP	Tiết	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú, bài tập cần làm
HAI	106	Kiểm tra định kì (giữa học kì II)	Kiểm tra tập trung vào các nội dung sau: - Bảng nhân 2, 3, 4, 5. - Nhận dạng và gọi đúng tên đường gấp khúc, tính độ dài đường gấp khúc. - Giải toán có lời văn bằng một phép nhân.	Không.
	107	Phép chia (tr107)	- Nhận biết được phép chia. - Biết quan hệ giữa phép nhân và phép chia, từ phép nhân viết thành hai phép chia.	Bài 1, bài 2
	108	Bảng chia 2 (tr109)	- Lập được bảng chia 2. - Nhớ được bảng chia 2. - Biết giải bài toán có một phép chia (trong bảng chia 2).	Bài 1, bài 2
	109	Một phần hai (tr110)	- Nhận biết (bằng hình ảnh trực quan) "Một phần hai", biết đọc, viết 1/2.T123 - Biết thực hành chia một nhóm đồ vật thành 2 phần bằng nhau.	Bài 1, bài 3
	110	Luyện tập (tr111)	- Thuộc bảng chia 2. - Biết giải bài toán có một phép chia (trong bảng chia 2). - Biết thực hành chia một nhóm đồ vật thành 2 phần bằng nhau.	Bài 1, bài 2, bài 3, bài 5
TUẦN:	23	*Từ 08/02 đến 19/02 (nghỉ Tết âm lịch: 1 tuần)*		

LỚP	Tiết	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú, bài tập cần làm
HAI	111	Số bị chia - Số chia - Thương (tr112)	- Nhận biết được số bị chia - số chia - thương. - Biết cách tìm kết quả của phép chia.	Bài 1, bài 2
	112	Bảng chia 3 (tr113)	- Lập được bảng chia 3. - Nhớ được bảng chia 3. - Biết giải bài toán có một phép chia (trong bảng chia 3).	Bài 1, bài 2
	113	Một phần ba (tr114)	- Nhận biết (bằng hình ảnh trực quan) "Một phần ba", biết đọc, viết 1/3. - Biết thực hành chia một nhóm đồ vật thành 3 phần bằng nhau.	Bài 1, bài 3
	114	Luyện tập (tr115)	- Thuộc bảng chia 3. - Biết giải bài toán có một phép chia (trong bảng chia 3). - Biết thực hiện phép chia có kèm đơn vị đo (chia cho 3; cho 2).	Bài 1, bài 2, bài 4
	115	Tìm một thừa số của phép nhân (tr116)	- Nhận biết được thừa số, tích, tìm một thừa số bằng cách lấy tích chia cho thừa số kia. - Biết tìm thừa số x trong các bài tập dạng: x x a = b; a x x = b (với a, b là các số bé và phép tính tìm x là nhân hoặc chia trong phạm vi bảng tính đã học). - Biết giải bài toán có một phép tính chia (trong bảng chia 2).	Bài 1, bài 2
TUẦN:	24	*Từ 22/02 đến 26/02*		
LỚP	Tiết	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú, bài tập cần làm
HAI	116	Luyện tập (tr117)	- Biết cách tìm thừa số x trong các bài tập dạng: x x a = b; a x x = b. - Biết tìm một thừa số chưa biết. - Biết giải bài toán có một phép tính chia (trong bảng chia 3).	Bài 1, bài 3, bài 4

	117	Bảng chia 4 (tr118)	- Lập được bảng chia 4. - Nhớ được bảng chia 4. - Biết giải bài toán có một phép tính chia, thuộc bảng chia 4.	Bài 1, bài 2
	118	Một phần tư (tr119)	- Nhận biết (bằng hình ảnh trực quan) "Một phần tư", biết đọc, viết 1/4. - Biết thực hành chia một nhóm đồ vật thành 4 phần bằng nhau.	Bài 1, bài 3
	119	Luyện tập (tr120)	- Thuộc bảng chia 4. - Biết giải bài toán có một phép chia (trong bảng chia 4). - Biết thực hành chia một nhóm đồ vật thành 4 phần bằng nhau.	Bài 1, bài 2, bài 3, bài 5
	120	Bảng chia 5 (tr121)	- Biết cách thực hiện phép chia 5. - Lập được bảng chia 5. - Nhớ được bảng chia 5. - Biết giải bài toán có một phép chia (trong bảng chia 5).	Bài 1, bài 2
TUẦN:	**25**	***Từ 01/3 đến 05/3***		
LỚP	**Tiết**	**Tên bài dạy**	**Yêu cầu cần đạt**	**Ghi chú, bài tập cần làm**
HAI	121	Một phần năm (tr122)	- Nhận biết (bằng hình ảnh trực quan) "Một phần năm", biết đọc, viết 1/5. - Biết thực hành chia một nhóm đồ vật thành 5 phần bằng nhau.	Bài 1, bài 3
	122	Luyện tập (tr123)	- Thuộc bảng chia 5. - Biết giải bài toán có một phép chia (trong bảng chia 5).	Bài 1, bài 2, bài 3

	123	Luyện tập chung (tr124)	- Biết tính giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính nhân, chia trong trường hợp đơn giản. - Biết giải bài toán có một phép nhân (trong bảng nhân 5). - Biết tìm số hạng của một tổng; tìm thừa số.	Bài 1, bài 2, bài 4
	124	Giờ, phút (tr125)	- Biết 1 giờ có 60 phút. - Biết xem đồng hồ khi kim phút chỉ vào số 12, số 3, số 6. - Biết đơn vị đo thời gian: giờ, phút. - Biết thực hiện phép tính đơn giản với các số đo thời gian.	Bài 1, bài 2, bài 3
	125	Thực hành xem đồng hồ (tr126)	- Biết xem đồng hồ khi kim phút chỉ vào số 3, số 6. - Biết đơn vị đo thời gian: giờ, phút. - Nhận biết các khoảng thời gian 15 phút; 30 phút.	Bài 1, bài 2, bài 3
TUẦN:	**26**	***Từ 08/3 đến 12/3***		
LỚP	**Tiết**	**Tên bài dạy**	**Yêu cầu cần đạt**	**Ghi chú, bài tập cần làm**
HAI	126	Luyện tập (tr127)	- Biết xem đồng hồ khi kim phút chỉ vào số 3, số 6. - Biết thời điểm, khoảng thời gian. - Nhận biết việc sử dụng thời gian trong đời sống hằng ngày.	Bài 1, bài 2
	127	Tìm số bị chia (tr126)	- Biết cách tìm số bị chia khi biết thương và số chia. - Biết tìm x trong các bài tập dạng: x : a = b (với a, b là các số bé và phép tính để tìm x là phép nhân trong phạm vi bảng tính đã học. - Biết giải bài toán có một phép nhân.	Bài 1, bài 2, bài 3
	128	Luyện tập (tr129)	- Biết cách tìm số bị chia. - Nhận biết số bị chia, số chia, thương. - Biết giải bài toán có một phép nhân.	Bài 1, bài 2 (a, b), bài 3 (cột 1, 2, 3, 4), bài 4

	129	Chu vi hình tam giác - Chu vi hình tứ giác (tr130)	- Nhận biết được chu vi hình tam giác, chu vi hình tứ giác. - Biết tính chu vi hình tam giác, hình tứ giác khi biết độ dài mỗi cạnh của nó.	Bài 1, bài 2
	130	Luyện tập (tr131)	Biết tính độ dài đường gấp khúc; tính chu vi hình tam giác, hình tứ giác.	Bài 2, bài 3, bài 4
TUẦN:	**27**	***Từ 15/3 đến 19/3***		
LỚP	**Tiết**	**Tên bài dạy**	**Yêu cầu cần đạt**	**Ghi chú, bài tập cần làm**
HAI	131	Số 1 trong phép nhân và phép chia (tr132)	- Biết được số 1 nhân với số nào cũng bằng chính số đó. - Biết số nào nhân với 1 cũng bằng chính số đó. - Biết số nào chia cho 1 cũng bằng chính số đó.	Bài 1, bài 2
	132	Số 0 trong phép nhân và phép chia (tr133)	- Biết được số 0 nhân với số nào cũng bằng 0. - Biết số nào nhân với 0 cũng bằng 0. - Biết số 0 chia cho số nào khác không cũng bằng 0. - Biết không có phép chia cho 0.	Bài 1, bài 2, bài 3
	133	Luyện tập (tr134)	- Lập được bảng nhân 1, bảng chia 1. - Biết thực hiện phép tính có số 1, số 0.	Bài 1, bài 2
	134	Luyện tập chung (tr135)	- Thuộc bảng nhân, bảng chia đã học. - Biết tìm thừa số, số bị chia. - Biết nhân (chia) số tròn chục với (cho) số có một chữ số. - Biết giải bài toán có một phép chia (trong bảng chia 4).	Bài 1, bài 2 (cột 2), bài 3

	135	Luyện tập chung (tr136)	- Thuộc bảng nhân, bảng chia đã học. - Biết thực hiện phép nhân hoặc phép chia có số kèm đơn vị đo. - Biết tính giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính (trong đó có một dấu nhân hoặc chia; nhân, chia trong bảng tính đã học). - Biết giải bài toán có một phép tính chia.	Bài 1 (cột 1, 2, 3 câu a; cột 1, 2 câu b), bài 2, bài 3 (b)
TUẦN:	**28**	***Từ 22/3 đến 26/3***		
LỚP	**Tiết**	**Tên bài dạy**	**Yêu cầu cần đạt**	**Ghi chú, bài tập cần làm**
HAI	136	Kiểm tra định kì (giữa học kì II)	Kiểm tra tập trung vào các nội dung sau: - Phép nhân, phép chia trong bảng (2, 3, 4, 5). - Chia một nhóm đồ vật thành 2, 3, 4, 5 phần bằng nhau. - Giải bài toán bằng một phép nhân hoặc một phép chia. - Nhận dạng, gọi đúng tên, tính độ dài đường gấp khúc.	Không.
	137	Đơn vị, chục, trăm, nghìn (tr137)	- Biết quan hệ giữa đơn vị và chục; giữa chục và trăm; biết đơn vị nghìn, quan hệ giữa trăm và nghìn. - Nhận biết được các số tròn trăm, biết cách đọc, viết các số tròn trăm.	Bài 1, bài 2
	138	So sánh các số tròn trăm (tr139)	- Biết cách so sánh các số tròn trăm. - Biết thứ tự các số tròn trăm. - Biết điền các số tròn trăm vào các vạch trên tia số.	Bài 1, bài 2, bài 3
	139	Các số tròn chục từ 110 đến 200 (tr140)	- Nhận biết được các số tròn chục từ 110 đến 200. - Biết cách đọc, viết các số tròn chục từ 110 đến 200. - Biết cách so sánh các số tròn chục.	Bài 1, bài 2, bài 3

	140	Các số từ 101 đến 110 (tr142)	- Nhận biết được các số từ 101 đến 110. - Biết cách đọc, viết các số từ 101 đến 110. - Biết cách so sánh các số từ 101 đến 110. - Biết thứ tự các số từ 101 đến 110.	Bài 1, bài 2, bài 3
TUẦN:	**29**	***Từ 29/3 đến 02/4***		
LỚP	**Tiết**	**Tên bài dạy**	**Yêu cầu cần đạt**	**Ghi chú, bài tập cần làm**
HAI	141	Các số từ 111 đến 200 (tr144)	- Nhận biết được các số từ 111 đến 200. - Biết cách đọc, viết các số từ 111 đến 200. - Biết cách so sánh các số từ 111 đến 200. - Biết thứ tự các số từ 111 đến 200.	Bài 1, bài 2 (a), bài 3
	142	Các số có ba chữ số (tr146)	Nhận biết được các số có ba chữ số, biết cách đọc, viết chúng. Nhận biết số có ba chữ số gồm số trăm, số chục, số đơn vị.	Bài 2, bài 3
	143	So sánh các số có ba chữ số (tr148)	Biết sử dụng cấu tạo thập phân của số và giá trị theo vị trí của các chữ số trong một số để so sánh các số có ba chữ số; nhận biết thứ tự các số (không quá 1000).	Bài 1, bài 2 (a), bài 3 (dòng 1)
	144	Luyện tập (tr149)	- Biết cách đọc, viết các số có ba chữ số. - Biết cách so sánh các số có ba chữ số - Biết sắp xếp caá số có đến ba chữ số theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc ngược lại.	Bài 1, bài 2 (a, b), bài 3 (cột 1), bài 4

	145	Mét (tr150)	- Biết mét là một đơn vị đo độ dài, biết đọc, viết kí hiệu đơn vị mét. - Biết được quan hệ giữa đơn vị mét với các đơn vị đo độ dài: đề-xi-mét, xăng-ti-mét. - Biết làm các phép tính có kèm đơn vị đo độ dài mét. - Biết ước lượng độ dài trong một số trường hợp đơn giản.	Bài 1, bài 2, bài 4
TUẦN:	**30**	***Từ 05/4 đến 09/4***		
LỚP	**Tiết**	**Tên bài dạy**	**Yêu cầu cần đạt**	**Ghi chú, bài tập cần làm**
HAI	146	Ki-lô-mét (tr151)	- Biết ki-lô-mét là một đơn vị đo độ dài, biết đọc, viết kí hiệu đơn vị ki-lô-mét. - Biết được quan hệ giữa đơn vị ki-lô-mét với đơn vị mét. - Biết tính độ dài đường gấp khúc với các số đo theo đơn vị km. - Nhận biết khoảng cách giữa các tỉnh trên bản đồ.	Bài 1, bài 2, bài 3
	147	Mi-li-mét (tr153)	- Biết mi-li-mét là một đơn vị đo độ dài, biết đọc, viết kí hiệu đơn vị mi-li-mét. - Biết được quan hệ giữa đơn vị mi-li-mét với các đơn vị đo độ dài: xăng-ti-mét, mét. - Biết ước lượng độ dài theo đơn vị cm, mm trong một số trường hợp đơn giản.	Bài 1, bài 2, bài 4
	148	Luyện tập (tr154)	- Biết thực hiện phép tính, giải bài toán liên quan đến caá số đo độ dài đã học. - Biết dùng thước để đo độ dài cạnh của hình tam gáic theo đơn vị cm hoặc mm.	Bài 1, bài 2, bài 4
	149	Viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị (tr155)	Biết viết số có ba chữ số thành tổng của số trăm, số chục và ngược lại.	Bài 1, bài 2, bài 3

	150	**Phép cộng (không nhớ) trong phạm vi 1000 (tr156)**	**- Biết cách làm tính cộng (không nhớ) các số trong phạm vi 1000.** **- Biết cộng nhẩm các sốtròn trăm.**	**Bài 1 (cột 1, 2, 3), bài 2 (a), bài 3**
TUẦN:	**31**	***Từ 12/4 đến 16/4***		
LỚP	**Tiết**	**Tên bài dạy**	**Yêu cầu cần đạt**	**Ghi chú, bài tập cần làm**
HAI	**151**	**Luyện tập (tr157)**	**- Biết cách làm tính cộng (không nhớ) các số trong phạm vi 1000, cộng có nhớ trong phạm vi 100.** **- Biết giải bài toán về nhiều hơn.** **- Biết tính chu vi hình tam giác.**	**Bài 1, bài 2 (cột 1, 3), bài 4, bài 5**
	152	**Phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 1000 (tr158)**	**- Biết cách làm tính trừ (không nhớ) các số trong phạm vi 1000.** **- Biết trừ nhẩm các sốtròn trăm.** **- Biết giải bài toán về ít hơn.**	**Bài 1 (cột 1, 2), bài 2 (phép tính đầu và phép tính cuối), bài 3, bài 4**
	153	**Luyện tập (tr159)**	**- Biết cách làm tính trừ (không nhớ) các số trong phạm vi 1000, trừ có nhớ trong phạm vi 100.** **- Biết giải bài toán về ít hơn.**	**Bài 1, bài 2 (cột 1), bài 3 (cột 1, 2, 4), bài 4**
	154	**Luyện tập chung (tr160)**	**- Biết làm tính cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100; làm tính cộng, trừ không nhớ các số có đến ba chữ số** **- Biết cộng, trừ nhẩm các số tròn trăm.**	**Bài 1 (phép tính 1, 3, 4), bài 2 (phép tính 1, 2, 3), bài 3 (cột 1, 2), bài 4 (cột 1, 2)**

	155	Tiền Việt Nam (tr162)	- Nhận biết được đơn vị thường dùng của tiền Việt Nam là đồng. - Nhận biết được một số loại giấy bạc: 100 đồng, 200 đồng, 500 đồng, 1000 đồng. - Biết thực hành đổi tiền trong trường hợp đơn giản. - Biết làm các phép cộng, phép trừ các số với đơn vị là đồng.	Bài 1, bài 2, bài 4
TUẦN:	**32**	***Từ 19/4 đến 26/4 (nghỉ giỗ Tổ Hùng Vương: 10/3 âm lịch)***		
LỚP	**Tiết**	**Tên bài dạy**	**Yêu cầu cần đạt**	**Ghi chú, bài tập cần làm**
HAI	156	Luyện tập (tr164)	- Biết sử dụng một số loại giấy bạc: 100 đồng, 200 đồng, 500 đồng, 1000 đồng. - Biết làm các phép tính cộng, trừ các số với đơn vị là đồng. - Biết trả tiền và nhận lại tiền thừa trong trường hợp mua bán đơn giản.	Bài 1, bài 2, bài 3
	157	Luyện tập chung (tr165)	- Biết cách đọc, viết các số có ba chữ số. - Phân tích số có ba chữ số theo các trăm, chục, đơn vị. - Biết giải bài toán về nhiều hơn có kèm đơn vị là đồng.	Bài 1, bài 3, bài 5
	158	Luyện tập chung (tr166)	- Biết sắp thứ tự các số có ba chữ số. - Biết cộng, trừ (không nhớ) các số có ba chữ số. - Biết cộng, trừ nhẩm các số tròn chục, tròn trăm có kèm đơn vị đo. - Biết xếp hình đơn giản.	Bài 2, bài 3, bài 4, bài 5
	159	Luyện tập chung (tr167)	- Biết cộng, trừ (không nhớ) các số có ba chữ số. - Biết tìm số hạng, số bị trừ. - Biết quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài thông dụng.	Bài 1 (a, b), bài 2 (dòng 1 câu a và b), bài 3

	160	Kiểm tra định kì	Kiểm tra tập trung vào các nội dung sau: - Thứ tự các số trong phạm vi 1000. - So sánh các số có ba chữ số. - Viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị. - Cộng, trừ các số có ba chữ số (không nhớ). - Chu vi các hình đã học.	Không.
TUẦN:	**33**	*Từ 27/4 đến 05/5 (nghỉ ngày 30/4 và nghỉ bù ngày 01/5)*		
LỚP	**Tiết**	**Tên bài dạy**	**Yêu cầu cần đạt**	**Ghi chú, bài tập cần làm**
HAI	161	Ôn tập về các số trong phạm vi 1000 (tr168)	- Biết đọc, viết các số có ba chữ số. - Biết đếm thêm một số đơn vị trong trường hợp đơn giản. - Biết so sánh các số có ba chữ số. - Nhận biết số bé nhất, số lớn nhất có ba chữ số.	Bài 1 (dòng 1, 2, 3), bài 2 (a, b), bài 4, bài 5
	162	Ôn tập về các số trong phạm vi 1000 (tr169)	- Biết đọc, viết các số có ba chữ số. - Biết phân tích các số có ba chữ số thành các trăm, các chục, các đơn vị và ngược lại. - Biết sắp xếp các số có đến ba chữ số theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc ngược lại.	Bài 1, bài 2, bài 3
	163	Ôn tập về phép cộng và phép trừ (tr170)	- Biết cộng, trừ nhẩm các số tròn chục, tròn trăm. - Biết làm tính cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100. - Biết làm tính cộng, trừ không nhớ các số có đến ba chữ số. - Biết giải bài toán bằng một phép cộng.	Bài 1 (cột 1, 3), bài 2 (cột 1, 2, 4), bài 3
	164	Ôn tập về phép cộng và phép trừ (tr171)	- Biết cộng, trừ nhẩm các số tròn trăm. - Biết làm tính cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100. - Biết làm tính cộng, trừ không nhớ các số có đến ba chữ số. - Biết giải bài toán về ít hơn. - Biết tìm số bị trừ, tìm số hạng của một tổng.	Bài 1 (cột 1, 3), bài 2 (cột 1, 3), bài 3, bài 5

	165	Ôn tập phép nhân và phép chia (tr172)	- Thuộc bảng nhân và bảng chia 2, 3, 4, 5 để tính nhẩm. - Biết tính giá trị của biểu thức có hai dấu phép tính (trong đó có một dấu nhân hoặc chia; nhân, chia trong phạm vi bảng tính đã học). - Biết tìm số bị chia, tích. - Biết giải bài toán có một phép nhân.	Bài 1 (a), bài 2 (dòng 1), bài 3, bài 5
TUẦN:	**34**	***Từ 06/5 đến 12/5***		
LỚP	**Tiết**	**Tên bài dạy**	**Yêu cầu cần đạt**	**Ghi chú, bài tập cần làm**
HAI	166	Ôn tập phép nhân và phép chia (tiếp theo) (tr173)	- Thuộc bảng nhân và bảng chia 2, 3, 4, 5 để tính nhẩm. - Biết tính giá trị của biểu thức có hai dấu phép tính (trong đó có một dấu nhân hoặc chia; nhân, chia trong phạm vi bảng tính đã học). - Biết giải bài toán có một phép chia. - Nhận biết một phần mấy của một số.	Bài 1, bài 2, bài 3, bài 4
	167	Ôn tập về đại lượng (tr174)	- Biết xem đồng hồ khi kim phút chỉ vào số 12, số 3, số 6. - Biết ước lượng độ dài trong một số trường hợp đơn giản. - Biết giải bài toán có gắn với các số đo.	Bài 1 (a), bài 2, bài 3, bài 4 (a, b)
	168	Ôn tập về đại lượng (tr175)	- Nhận biết thời gian được dành cho một số hoạt động. - Biết giải bài toán liên quan đến đơn vị kg; km.	Bài 1, bài 2, bài 3
	169	Ôn tập về hình học (tr176)	- Nhận biết được và gọi đúng tên hình tứ giác, hình chữ nhật, đường thẳng, đường gấp khúc, hình tam giác, hình vuông, đoạn thẳng. - Biết vẽ hình theo mẫu.	Bài 1, bài 2, bài 4

	170	Ôn tập về hình học (tr177)	Biết tính độ dài đường gấp khúc, chu vi hình tam giác, hình tứ giác.	Bài 1, bài 2, bài 3
TUẦN:	35	*Từ 13/5 đến 19/5*		
LỚP	Tiết	Tên bài dạy	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú, bài tập cần làm
HAI	171	Luyện tập chung (tr178, 179)	- Biết đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 1000. - Thuộc bảng cộng, trừ trong phạm vi 20. - Biết xem đồng hồ.	Bài 1, bài 2, bài 3 (cột 1), bài 4
	172	Luyện tập chung (tr180)	- Thuộc bảng nhân chia đã học để tính nhẩm. - Biết làm tính cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100. - Biết tính chu vi hình tam giác.	Bài 1, bài 2, bài 3
	173	Luyện tập chung (tr181)	- Biết xem đồng hồ. - Biết làm tính cộng, trừ có nhớtrong phạm vi 100. - Biết làm tính cộng, trừ không nhớ các số có ba chữ sô - Biết tính giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính. - Biết tính chu vi hình tam giác.	Bài 1, bài 2, bài 3 (a), bài 4 (dòng 1), bài 5
	174	Luyện tập chung (tr181)	- Biết so sánh các số. - Biết làm tính cộng, trừ có nhớtrong phạm vi 100. - Biết làm tính cộng, trừ không nhớ các số có ba chữ sô - Biết giải bài toán về ít hơn có liên quan đến đơn vị đo độ dài.	Bài 2, bài 3, bài 4

	175	**Kiểm tra định kì (cuối học kì II)**	**Kiểm tra tập trung vào các nội dung sau: - Đọc, viết các số đến 1000.** **- Nhận biết giá trị theo vị trí của các chữ số trong một số. - So sánh các số có ba chữ số.** **- Cộng, trừ, nhân, chia trong bảng.** **- Cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100.** **- Cộng, trừ không nhớ các số có ba chữ số.** **- Giải bài toán bằng một phép cộng hoặc trừ hoặc nhân hoặc chia (có liên quan đến các đơn vị đo đã học).** **- Số liền trước, số liền sau. - Xem lịch, xem đồng hồ.** **- Vẽ hình tứ giác, tính chu vi hình tứ giác, hình tam giác.**	**Không.**

HẾT